Công ty Cổ phần Bột Giặt NET

Digitally signed by Công ty Cổ phần Bột Giặt NET
DN: C=VN, L="Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam", OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600642822, O=Công ty Cổ phần Bột Giặt NET, E=nguyentrunghoa@netcovn.com.vn, CN=Công ty Cổ phần Bột Giặt NET
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-04-07 23:33:21
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Các giải thưởng tiêu biểu
4. Ngành nghề kinh doanh
5. Địa bàn kinh doanh
6. Các sản phẩm nổi bật
7. Sơ đồ tổ chức
8. Chi nhánh
9. Công ty con, Công ty liên kết
10. Định hướng phát triển
11. Các nhân tố rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Thông tin cổ phiếu
6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:
3. Ban Tổng giám đốc
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 KIỂM TOÁN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- **Tên Công ty**: Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- **Tên giao dịch**: Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- **Tên viết tắt**: NETCO
- **Tên Tiếng Anh**: NET Detergent Joint Stock Company
- **Mã cổ phiếu**: NET
- **Vốn điều lệ**: 223.983.740.000 đồng
- **Trụ sở chính**: Đường D4, KCN Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- **Điện thoại**: 0251.3682102 – 0251.3682103
- **Fax**: 0251.3682106
- **Email**: botgiatnet@netcovn.com.vn
- **Website**: www.netcovn.com.vn
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**: Số 3600642822, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2003 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai cấp, được cập nhật thay đổi tại từng thời điểm.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 1968**, Công ty bột giặt NET có tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được thành lập.
- **Năm 1972**, Công ty hoàn thành xây dựng và được đưa vào sản xuất với công suất 5.800 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 1975**, khi đất nước thống nhất, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và trưng mua, đổi tên thành Nhà máy Bột giặt Đồng Nai hạch toán dưới dạng báo sổ trực thuộc công ty Bột giặt Miền Nam.
- **Năm 1990**, nhà máy chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập. Đây cũng là năm mà nhà máy thay đổi toàn bộ nhân sự mới.
- **Năm 1992**, Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng, đồng thời, nhận lại Nhà máy Mỹ phẩm Bình Đông và chuyển chi nhánh NET.
- **Năm 1994**, Công ty đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật và áp dụng cơ chế quản lý mới, phù hợp tình hình phát triển thực tế. Lần đầu tiên sản phẩm bột giặt White NET được đưa ra thị trường Việt Nam.

- **Năm 1998**, Công ty khánh thành chi nhánh NET tại Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm.
- **Năm 2003**, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Bột giặt NET với số vốn điều lệ là 22 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 51% vốn.
- **Năm 2007**, Công ty nâng vốn điều lệ từ 22 tỷ lên 33 tỷ được trích từ lợi nhuận và quỹ đầu tư.
- **Năm 2009**, Công ty nâng vốn từ 33 tỷ lên thành 45 tỷ từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển. Đến thời điểm 2009, công suất nhà máy tại KCN Biên Hòa đã được nâng lên 140.000 tấn/năm.
- **Năm 2010**, Công ty chính thức thực hiện giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Từ đó khẳng định và cam kết tính minh bạch cũng như nâng cao khả năng huy động vốn. Chiến lược phát triển bền vững: giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu; tiến sâu vào thị trường nội địa.
- **Năm 2011**, Công ty nâng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 79,99 tỷ đồng. Nguồn hình thành từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển.
- **Năm 2014**, Công ty tiếp tục nâng vốn điều lệ lên 159,99 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- **Năm 2016**, Công ty tăng vốn điều lệ lên 223,98 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quy mô vốn gấp 10 lần so với lúc vừa hình thành. Tại thời điểm 2016, công suất Nhà máy tại Hà Nội đã được nâng lên 70.000 tấn/năm.
- **Năm 2017**, khánh thành nhà máy mới tại KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với quy mô hiện đại, tối đa hóa tự động, mở ra thời kỳ tự động hóa gắn liền với năng suất – chất lượng.
- **Năm 2019**, Tập đoàn hóa chất Việt Nam đã bán thành công 3.359.000 cổ phần sử hữu tại NETCO giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 36%.
- **Năm 2020**, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã hoàn tất mua 11.703.630 cổ phần tương đương 52,52% vốn điều lệ của CTCP Bột giặt NET.

3. Các giải thưởng tiêu biểu

Với những nỗ lực trong việc cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, NETCO đã đạt được những thành tựu như sau:

- Giấy chứng nhận ISO 9001:2015, ISO 22716:2007.
- Giấy chứng nhận đạt danh hiệu Xanh-Sạch-Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, do Liên đoàn lao động tỉnh Đồng Nai cấp.

- Huân chương lao động hạng ba năm 1995, huân chương lao động hạng nhì năm 2007, do chủ tịch nước CH XHCN VN trao tặng.
- Cờ đơn vị xuất sắc phong trào thi đua do Chính Phủ và Bộ Công Thương trao tặng.
- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ nộp thuế 2007, do Cục thuế tỉnh Đồng Nai tuyên dương.
- Sản phẩm dịch vụ xuất sắc 2008, do Tạp chí Doanh nghiệp và Hội nhập bình chọn.
- Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt 2008, 2009 do Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn.
- Top 100 thương hiệu – nhãn hiệu uy tín năm 2013, do bạn đọc Tạp chí Doanh nghiệp và Đầu tư và người tiêu dùng bình chọn.
- 13 năm liên tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao 2008-2021, do người tiêu dùng bình chọn.
- Top 100 sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em lần thứ VI – năm 2019, 2020, 2021, do Báo Lao động và Xã hội bình chọn.
- Top 329 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn CBTT năm 2020 Do Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam, Vietstock và Tạp chí điện tử Tài chính và Cuộc sống bình chọn.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất chất tẩy rửa, mỹ phẩm
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại)
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng
- Kinh doanh bất động sản, nhà nghỉ (hoạt động ngoại tỉnh)
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở)
- Vận tải hàng hóa đường bộ

5. Địa bàn kinh doanh

- Đối với thị trường nội địa, Công ty phân phối sản phẩm qua hệ thống đại lý và hệ thống siêu thị ở khắp các tỉnh thành trong nước.
- Hiện tại, sản phẩm của Công ty được xuất khẩu qua các nước: Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi,…

6. Các sản phẩm nổi bật

Công ty Cổ phần Bột giặt NET cung cấp các sản phẩm chính như sau:

- Bột giặt

- Nước rửa chén

- Nước lau sàn nhà

- Nước giặt xả

- Nước tẩy rửa

- Nước rửa tay khô

Thị trường tiêu thụ của các nhóm sản phẩm này được chia thành 3 nhóm:

- **Nhóm các sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa:**

Tại thị trường nội địa, NETCO chọn cho mình con đường riêng để đến với người tiêu dùng bằng tấm lòng của một nhà sản xuất chân chính, luôn giữ chữ "TÍN" với khách hàng qua "CHẤT LƯỢNG & GIÁ CẢ". Vì vậy, so với sản phẩm của các công ty khác, các sản phẩm của NETCO luôn dành được sự chấp nhận và tin tưởng của đông đảo người tiêu dùng.

- **Nhóm các sản phẩm xuất khẩu:**

NET còn cung ứng một lượng lớn Bột giặt, Nước rửa chén cho thị trường xuất khẩu như: Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi … Việc thâm nhập thành công thị trường Nhật Bản - một thị trường được đánh giá là khó tính với yêu cầu về chất lượng cực kỳ

nghiêm ngặt, doanh nghiệp đã minh chứng trình độ kỹ thuật công nghệ của mình đạt yêu cầu khu vực và thế giới.

- **Nhóm các sản phẩm nhận gia công Thị trường nội địa**

Nhờ vào nền tảng tốt về cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến, đã đưa NETCO trở thành đối tác chiến lược của Unilever để sản xuất và cung ứng các sản phẩm giặt rửa cho thị trường nội địa và xuất khẩu như bột giặt OMO, VISO, Surf (từ năm 1998 đến nay), Nước rửa chén Sunlight, Nước lau sàn nhà VIM (giai đoạn 2006 -2013).

7. Sơ đồ tổ chức

Trước ngày 23/4/2021, Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Kể từ ngày 23/4/2021, Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban Kiểm toán) và Tổng Giám đốc.

- Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Công ty có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn và các nhà máy sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.

- Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 07 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2021 đến năm 2026.

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Chi nhánh: Công ty có 03 (ba) Chi nhánh:

Chi nhánh thứ nhất: Chi nhánh thành phố Hà Nội (Tên viết tắt: Chi Nhánh Hà Nội)

- Địa chỉ: Km số 1 – Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 024. 6 883 505
- Fax: (024) 6 883 505

Chi nhánh thứ 2: Chi nhánh thành phố HCM (Tên viết tắt: Chi Nhánh Hồ Chí Minh)

- Địa chỉ: 617 - 629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (028) 38 549 354
- Fax (028) 38 557 521.

Chi nhánh thứ 3: Chi nhánh thành phố Biên Hòa (Tên Viết Tắt: Chi Nhánh Biên Hòa)

- Địa chỉ: Đường số 8, khu Công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

9. Công ty con, Công ty liên kết:

➢ **Công ty con:** không có.

➢ **Công ty liên kết:**

Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ với số tiền là 716.390.400 VND, nắm giữ 6.500 cổ phần, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Hiện tại Công ty đã trích lập dự phòng khoản cho toàn bộ khoản đầu tư này do hiện tại CTCP Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động.

10. Định hướng phát triển

Giá trị cốt lõi: "Chính trực – Tôn trọng – Hợp tác"

Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động, trên cơ sở hướng tới trở thành một nhà sản xuất lớn về chất tẩy rửa tại Việt Nam và châu Á; Đảm bảo công ty phát triển bền vững trên cơ sở áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến và tự động hóa quá trình sản suất; Đảm bảo môi trường sản xuất tốt nhất cho người lao động; Tích cực hội nhập với kinh tế quốc tế.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

NETCO tin rằng, những chiến lược trung và dài hạn sẽ trở thành kim chỉ nam giúp cho các mục tiêu của Công ty trở thành hiện thực một cách vững chắc, mang đến giá trị tăng thêm cho quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác. Cụ thể, Công ty đã đề ra các chiến lược trung và dài hạn sau:

- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu của NET, xây dựng hình ảnh sản phẩm với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, mở rộng hệ thống phân phối tại thị trường nội địa và vươn ra hơn nữa thị

trường thế giới; Từng bước thay đổi diện mạo, nâng cao giá trị hình ảnh thương hiệu nhằm phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Việt.

- Phân tích tình hình thị trường, đưa ra và thực hiện các kế hoạch, chính sách phù hợp với mô hình hoạt động của NETCO để hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty.
- Nghiên cứu nhu cầu, mẫu mã sản phẩm, chất lượng vượt trội, đa dạng các đối tượng khách hàng để phục vụ và nhắm đến mục tiêu không giới hạn trong nội địa và xuất khẩu, khách hàng đang sử dụng sản phẩm mang thương hiệu NET và những khách hàng tiềm năng.
- Chú trọng vào công nghệ sản xuất, cải tiến hệ thống sản xuất theo hướng tự động hóa, giảm sức người, tăng hiệu suất lao động, từng bước đưa NETCO trở thành Công ty nằm trong chuỗi cung ứng chất tẩy rửa không chỉ tại Việt Nam mà còn mang tầm khu vực.
- Phát triển quản trị nguồn nhân lực, trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.
- Phát triển Công ty dựa trên nền tảng phát triển bền vững song hành cùng trách nhiệm với xã hội, thông qua việc tạo ra những sản phẩm giá trị cho con người, nâng cao chất lượng đời sống của người lao động, tuân thủ các chuẩn mực bảo vệ môi trường và hành động vì lợi ích cộng đồng.

11. Các nhân tố rủi ro

- **Rủi ro kinh tế**

- Năm 2021 cả thế giới chứng kiến sự lây lan bùng dịch Covid 19 đến hầu hết các nước khiến nền kinh tế thế giới có giai đoạn chững lại, đảo chiều và giảm tốc, lãi suất tăng lên trước áp lực lạm phát và tỷ giá. Công ty NETCO không tránh khỏi những tác động nhất định trước tình hình biến động kinh tế - kinh tế xã hội thế giới. Hoạt động vận chuyển hàng hóa xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, cước tàu biển đăng đột biến, nhiều chuyến tàu bị trì hoãn, thậm chí hủy chuyến, nhiều hãng tàu thay đổi hành trình và cảng đến khiến thời gian vận chuyển dài, phát sinh thêm nhiều chi phí, ảnh hưởng mạnh đến giá vốn và sự ổn định của nguồn cung ứng.
- Đỉnh điểm quý 3/2021 là thời điểm áp dụng chính sách phong tỏa tại 19 tỉnh thành phía Nam đã ảnh hưởng rất lớn đến việc phân phối hàng hóa của NET vì NET có thị trường chính là miền Nam.
- Bên cạnh đó, nếu trong năm 2020, nhu cầu sử dụng các sản phẩm chăm sóc vệ sinh nhà cửa tăng đột biến vào các tháng dịch bệnh thì năm 2021 chúng ta chứng kiến một hiện tượng trái chiều. Người tiêu dùng tập trung tích trữ hàng thực phẩm ăn uống thiết yếu, giảm tích trữ hàng hóa giặt rửa. Điều này đã gây khó khăn nhất định cho Công ty.

- **Rủi ro pháp luật**

- Mọi hoạt động kinh doanh đều chịu sự kiểm soát của pháp luật và NETCO cũng không ngoại lệ. Là Công ty đại chúng, niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), NETCO chịu sự tác động của nhiều luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Hóa chất, Luật Thương mại,… Những luật này thường xuyên được chỉnh sửa để phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các công ty nói chung và NETCO nói riêng.
- Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu chất tẩy rửa với nguyên liệu đầu vào là hóa chất NETCO còn chịu sự chi phối của nhiều quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, xuất khẩu,… Bên cạnh đó, Hiệp định CPTPP về miễn giảm thuế quan có hiệu lực được đánh giá tác động tích cực tới xuất khẩu hàng của Công ty.

Vấn đề đặt ra cho NETCO là phải có những chiến lược, kế hoạch trung và dài hạn. Do đó, trong quá trình hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn liên tục theo dõi và cập nhật để kịp thời điều chỉnh quy định, điều lệ phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- **Rủi ro tỷ giá**

- Vì nguyên vật liệu đầu vào được nhập khẩu và các sản phẩm được tiêu thụ tại nhiều quốc gia khác nhau như Nhật Bản, Úc, New Zealand, các nước ASEAN, Châu Mỹ, Châu Phi,… nên hoạt động kinh doanh của NETCO chịu áp lực từ sự biến động của thị trường tài chính quốc tế.
- Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mà doanh nghiệp luôn ở thế bị động và khó có khả năng ứng phó nhất. Thời gian gần đây, tỷ giá biến động mạnh và khó dự đoán do lo ngại làn sóng dịch bệnh trở nên căng thẳng và những bất ổn tình hình kinh tế - chính trị thế giới. Hoạt động xuất khẩu của NETCO chưa hẳn được hưởng lợi bởi biến động tăng tỷ giá do Công ty cũng phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Mặc dù, Ngân hàng Nhà nước đã thay đổi chính sách điều hành tiền tệ để giữ tỷ giá luôn ổn định nhưng Công ty vẫn gặp khó khăn trong việc thu tiền về và mất cân bằng về tiềm lực tài chính.

Để hạn chế rủi ro, NETCO đã chủ động theo dõi diễn biến tiền tệ quốc tế để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đã tham gia các hợp đồng phái sinh để cố định tỷ giá, yêu cầu khách hàng thanh toán ngay để được chiết khấu thay vì trả chậm,…

- **Rủi ro cạnh tranh**

- Những năm gần đây, mức độ cạnh tranh trên thị trường bột giặt, chất tẩy rửa chưa bao giờ giảm sức nóng. Thương hiệu ngoại với ưu thế cạnh tranh, bề dày kinh nghiệm chinh chiến ở

các thị trường đa quốc gia, tiềm lực tài chính mạnh, chiến lược quảng cáo rầm rộ,… đã đổ bộ vào Việt Nam. Trong khi đó, các thương hiệu trong nước vẫn miệt mài tìm lối đi riêng.

- Để nâng cao năng lực cạnh tranh, NETCO đang dần khẳng định chỗ đứng của mình bằng chiến lược riêng. Công ty luôn tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng với chi phí thấp để tạo sự khác biệt và mang lại hiệu quả bán hàng. Song đó, Công ty nghiên cứu thị trường, định vị thương hiệu bằng cách đẩy mạnh marketing và mở rộng kênh phân phối nhằm tiếp cận tới nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

- **Rủi ro giá nguyên vật liệu**

- Thành phần chính của bột giặt là LASNa được chiết xuất từ sản phẩm của dầu mỏ (parafin) nên sự biến động của tình hình kinh tế - xã hội thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu của Công ty. Năm 2021, nguyên liệu này tăng giá cao đã ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.
- Thêm nữa, hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa của Công ty gặp khó khăn lớn khi chính quyền địa phương các tỉnh thành miền Nam áp dụng lệnh phong tỏa, đỉnh điểm là quý 3/2021 để phòng chống dịch bệnh Covid phức tạp mà đối với NETCO thì phần lớn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất bột giặt là nhập khẩu, đặc biệt là Trung Quốc – quốc gia gánh chịu tổn thất khá nặng nề vì dịch, đã ít nhiều ảnh hưởng đến nguồn nguyên vật liệu của Công ty.

Để điều tiết rủi ro nguyên vật liệu, NETCO đã tìm kiếm nguyên vật liệu chất lượng từ nhiều nguồn khác nhau để giảm thiểu sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp, duy trì nguồn cung khi có biến động xảy ra. Đồng thời, Ban lãnh đạo công ty đã tham gia các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu để tránh các tổn thất không mong muốn.

- **Rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng**

- Thói quen sử dụng các thương hiệu bột giặt và chất tẩy rửa của người tiêu dùng Việt khác nhau theo từng vùng miền và những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm của họ. Người tiêu dùng sẵn sàng thay đổi thương hiệu bột giặt và các chất tẩy rửa đang sử dụng nếu các nhãn hiệu khác có những ưu điểm vượt bật hơn về chất lượng, thiết kế bao bì, hương thơm, quảng cáo, khuyến mãi,… Như vậy, nếu không đổi mới và cải tiến, thương hiệu sản phẩm Công ty sẽ dễ bị người tiêu dùng lãng quên.

Chính vì vậy, NETCO thúc đẩy nghiên cứu tìm hiểu nhu cầu, phân tích thị hiếu người tiêu dùng và đưa ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng. Ngoài ra, thông qua các chương trình quảng cáo, khuyến mãi, hoạt động quan hệ công chúng của Công ty, người tiêu dùng sẽ có cảm nhận tốt về sản phẩm, nâng cao nhận biết về thương hiệu, kích thích tò mò và trải nghiệm, tạo ra

động lực tiêu dùng,… Từ đó, các chương trình marketing trên tạo sự kết nối lâu dài giữa thương hiệu và người tiêu dùng.

- **Rủi ro bất khả kháng**

Ngoài những rủi ro nêu trên thì Công ty cũng phải gánh chịu một số rủi ro bất khả kháng như là thiên tai, hỏa hoạn,… gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Chính vì thế, Công ty cần có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh *(ĐVT: Triệu đồng)*

STT	Doanh thu thuần	Năm 2021	Năm 2020	% Năm 2021/2020
1	Doanh thu thuần	1.479.645	1.470.114	101%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	128.009	153.272	84%
3	Lợi nhuận khác	2.956	415	713%
4	Lợi nhuận trước thuế	130.965	153.687	85%
5	Lợi nhuận sau thuế	113.364	133.411	87%
6	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	5.061	5.956	84,97%

Về doanh thu

Mặc dù có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, doanh thu năm 2021 ghi nhận có sự tăng trưởng.

Cơ cấu doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	1.424.230	96,26%	1.436.834	96,40%
Doanh thu gia công, cho thuê bất động sản và dịch vụ khác	42.231	2,85%	46.596	3,13%
Doanh thu khác	13.184	0,89%	7.060	0,47%
Tổng cộng	**1.479.645**	**100,00%**	**1.490.490**	**100,00%**

Doanh thu bán hàng đạt 1.424,230 tỷ đồng tương đương tỷ trọng 96,26% trong năm 2021 nhờ những nỗ lực mở rộng thêm một số mặt hàng chủ lực, gia tăng số lượng điểm bán tại hệ thống bán hàng kênh truyền thống và tận dụng tảng thương mại hiện đại gồm 3.000 siêu thị trên cả nước của Tập đoàn Masan.

Cơ cấu doanh thu theo thị trường (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	1.130.760	76,42%	1.110.928	74,53%
Doanh thu từ xuất khẩu	293.471	19,83%	336.730	22,59%
Doanh thu từ nguồn khác	55.414	3,75%	42.833	2,87%
Tổng cộng	**1.479.645**	**100%**	**1.490.491**	**100,00%**

Thị trường trọng yếu của Công ty là thị trường trong nước, với tỷ trọng chiếm 76,42% doanh thu thuần.

Doanh thu từ xuất khẩu của NETCO năm qua giảm do khó khăn giao thương về hàng hóa.

***Về chi phí** (ĐVT: Triệu đồng)*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% 2021/2020
1	Giá vốn hàng bán	1.181.648	1.125.628	104,97%
2	Chi phí tài chính	1.650	2.388	69,1%
3	Chi phí bán hàng	144.799	165.895	87,28%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.422	32.240	93,78%
5	Chi phí khác	718	315	228%
Tổng		**1.359.237**	**1.327.466**	

Năm 2021 ghi nhận sự tăng giá vốn hàng bán do tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào nhưng NETCO kiểm soát tốt các chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và duy trì ở mức thấp.

Về lợi nhuận

Cùng với sự tăng cao về chi phí giá vốn, chi phí bán hàng dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2021 NETCO đạt 128,009 tỷ đồng giảm 16% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 113,364 tỷ đồng giảm 15% so với năm 2020 nhưng đạt vượt 13% so với kế hoạch

(mức thấp) năm 2021 được phê duyệt. Đây là kết quả đáng ghi nhận của tập thể NETCO trong thời gian qua.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Số lượng cán bộ công nhân viên: tính đến ngày 31/12/2021, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 555 người.

STT	Trình độ học vấn	Số lượng *(người)*	Tỷ lệ
1	Trên đại học	1	0,2
2	Đại học	65	11,7%
3	Cao đẳng	72	13%
4	Trung cấp	40	7,2%
5	CNKT	30	5,4%
6	Khác	347	62,5%

2.2 Chính sách nhân sự

- **Môi trường làm việc**

Những thành công mà NETCO đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất, đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với Công ty dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn.

Công ty luôn xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo ra môi trường làm việc năng động, công bằng, thúc đẩy thành công, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp. Công ty luôn kiên định trong mục tiêu xây dựng và gìn giữ một môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho các CB-CNV thỏa sức sáng tạo, phát huy năng lực, trình độ của mình và hợp tác với nhau hướng tới sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển của từng cá nhân.

- **Chính sách người lao động**

Yếu tố con người luôn được chú trọng phát triển và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của NETCO. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh tác động lớn đến sức khỏe con người nên công tác chăm sóc sức khỏe người lao động rất được quan tâm.

Các chính sách và quy định về thời gian làm việc và đãi ngộ của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất cho người lao động. Căn cứ vào từng

giai đoạn sản xuất, mùa cao điểm hay bình thường Ban lãnh đạo Công ty sẽ chủ động linh hoạt sắp xếp nhân viên làm tăng ca trên tinh thần tự nguyện để vừa đáp ứng kế hoạch vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- **Chính sách lương thưởng**

Chính sách lương thưởng của NETCO có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động. Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật Lao động về quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động.

Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Chính sách thưởng được thực hành trên cơ sở bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc.

- **Chính sách phúc lợi**

Công ty luôn quan tâm đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của người lao động. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu, duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đều được thực hiện một cách đầy đủ, tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Pháp luật nhằm tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn cho nhân viên của mình.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức không chỉ nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội mà còn hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, gắn bó với nhau, góp phần tạo nên bản sắc của NETCO.

- **Chính sách tuyển dụng**

Các nhân tố về thu hút người tài giỏi có năng lực, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác được Công ty đặc biệt coi trọng. Nhân sự được tuyển dụng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Mỗi vị trí, chức danh công việc đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của công ty.

Bên cạnh đó, NETCO cũng đề cao và trân trọng sự đa dạng, luôn tạo môi trường công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch,... Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn rõ ràng.

Chính sách đào tạo

Chính sách và hoạt động đào tạo theo mục tiêu lấy người học làm trọng tâm, nỗ lực thúc đẩy tinh thần học tập chủ động, lâu dài và lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng, và khách hàng của NETCO. Chương trình và hoạt động đào tạo được triển khai không chỉ nhằm mục đích giúp nhân viên bổ sung năng lực cho công việc hiện tại mà còn mang đến hành trang cho lộ trình phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai. Theo đó, hàng năm Công ty tạo điều kiện cho CB-CNV có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc, góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CB-CNV Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện các khoản mục đầu tư về nâng công suất máy đóng gói tự động, máy ép miệng túi… nhằm đáp ứng xu hướng gia tăng hàng tẩy rửa lỏng của người tiêu dùng.

4. Tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,17	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	0,62
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	49,17%	44,35%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	96,74%	79,70%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,87	7,42
Doanh thu thuần/ tổng tài sản		2,09	2,115
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,66%	9,07%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,66%	38,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	16,09%	20,97%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8,65%	10,43%

5. Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 22.398.374 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu
Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.1 Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông Nhà nước**	**8.064.498**	**80.644.980.000**	**36,00%**
II	**Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)**	**11.703.630**	**117.036.300.000**	**52,25%**
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	11.703.630	117.036.300.000	52,25%
III	**Cổ đông khác**	**2.630.246**	**26.302.460.000**	**11,75%**
1	Cá nhân	2.443.549	24.435.490.000	10,91%
2	Tổ chức	186.697	1.866.970.000	0,84%
Tổng cộng		**22.398.374**	**223.983.740.000**	**100%**

(Nguồn: theo danh sách chốt ngày 21/3/2022 tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2022)

5.2 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không.

5.3 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.

5.4 Các chứng khoán khác: không.

6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường
  - Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.
  - Công ty luôn Thu gom và xử lý rác thải, nước thải, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
  - Công ty đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo về phương tiện, công cụ lao động cho người lao động, thường xuyên kiểm tra nhắc nhở công tác an toàn vệ sinh lao động.
  - Công ty chú trọng công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động.
  - Công ty còn thường xuyên tổ chức khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp để bố trí người lao động làm việc hiệu quả nhất, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tham quan, nghỉ dưỡng, các phong trào thể thao, văn hóa văn nghệ nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động được chăm lo.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
  - Tham gia cùng chính quyền địa phương chăm lo đời sống và tặng quà cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.
  - Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển.
  - Đóng góp Quỹ vắc-xin phòng chống Covid-19" của Chính phủ để phục vụ cho hoạt động mua, nhập khẩu, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phòng Covid-19 cho người dân.
  - Hỗ trợ cung cấp gần 3 tấn hàng các sản phẩm vệ sinh giặt rửa cho hoạt động phòng chống dịch tại địa phương tỉnh nhà Đồng Nai.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Tổng kết kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2021:

- Trong tình hình đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, năm 2021 là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Công ty Cổ phần Bột Giặt NET cũng chịu ảnh

hưởng bởi đại dịch, tất cả các kênh thị trường nội địa, xuất khẩu trực tiếp, gián tiếp đều chịu ảnh hưởng tiêu cực:

- Với kênh nhà phân phối sỉ lẻ tại nội địa, tình hình dịch bệnh và các tháng phong tỏa đồng loạt 19 tỉnh thành phía Nam trong quý 3/2021 đã ảnh hưởng mạnh đến kênh phân phối chính của NET, đặc biệt tại TP.HCM.
- Với xuất khẩu, cước tàu biển tăng gấp rất nhiều lần so với các năm 2020 trở về trước làm mất lợi thế cạnh tranh về giá của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Việc booking tàu rất khó khăn làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch giao hàng. Xuất khẩu gián tiếp cũng bị giảm so với năm 2020 bởi các nguyên nhân trên.
- Về sản xuất, Công ty gặp nhiều khó khăn và tốn kém chi phí khi phải duy trì 3 tại chỗ (3T) vừa sản xuất vừa phòng chống dịch Covid, đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe cho người lao động của Công ty.

- Tuy vậy, với rất nhiều nỗ lực từ đội ngũ bán hàng ở tuyến đầu và nỗ lực tối ưu hóa, tiết giảm chi phí của khối cung ứng, chúng ta đã duy trì và giữ vững tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để vượt qua đại dịch và đạt được chỉ tiêu rất quan trọng trong kinh doanh đó là lợi nhuận, đồng thời doanh thu cũng vượt năm 2020 là 10 tỷ đồng. Cụ thể:
  - Về doanh thu: đạt 1.480 tỷ đồng, tương đương 92% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2021 được phê duyệt nhưng vượt 1% so với thực hiện năm 2020.
  - Về lợi nhuận sau thuế sau thuế TNDN: đạt 113 tỷ đồng, tương đương 113% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2021 được phê duyệt và 85% so với thực hiện năm 2020.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021 (*)	So với kế hoạch	%
	(tỷ VNĐ)	*(tỷ VNĐ)*	*(tỷ VNĐ)*	
Doanh thu thuần	1.480	1.600	-120	-8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	113	100	13	13%

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/(giảm)	%
	(tỷ VNĐ)	*(tỷ VNĐ)*	*(tỷ VNĐ)*	
Doanh thu thuần	1.480	1.470	10	1%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	113	133	-20	-15%

(*) kế hoạch kinh doanh 2021 mức thấp

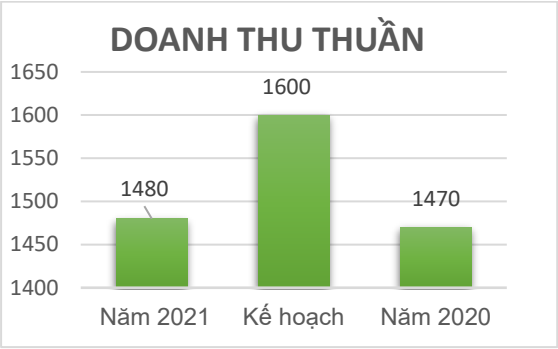

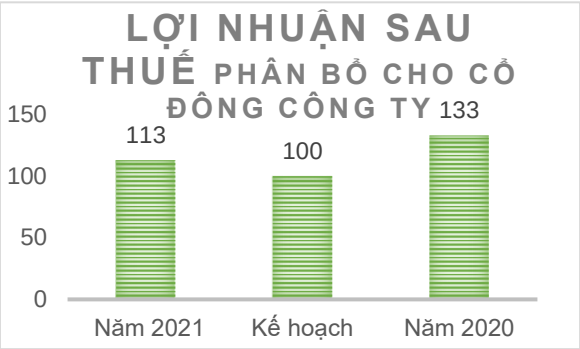

Một số điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2021:

1. Tình hình hoạt động của Nhà máy (nhân sự, an ninh, môi trường,…): tốt, không xảy ra sự cố nào. Đặc biệt trong thời gian 3 tại chỗ (3T), NET đã giữ vững danh hiệu Nhà máy xanh, không có bất kỳ ca F0 nào, tinh thần của cán bộ công nhân viên ổn định, không có biến động lớn.
2. Ngay sau khi kết thúc 3 tại chỗ trong quý 4, nhà máy đẩy mạnh hoạt động sản xuất và kinh doanh đạt được ~32% về sản lượng và 40% về tiêu thụ so với kết quả cả năm 2021.

II. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022 những kinh nghiệm quý báu tích lũy được từ đại dịch, nền kinh tế Việt Nam mở cửa và phục hồi trở lại là cơ hội cho sự tăng trưởng của các ngành hàng, đặc biệt là ngành hàng thiết yếu - hóa mỹ phẩm. Theo đó, Ban điều hành đề xuất mục tiêu cho năm 2022 như sau:

		Thấp	Cao
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.500	1.800
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	110	120
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông Công ty	**Tỷ đồng**	**110**	**120**

III. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022:

1. Tiếp tục định hướng trở thành nhà sản xuất lớn trong khu vực, tham gia chuỗi cung ứng ngành hàng chăm sóc gia đình Homecare trên toàn cầu.
2. Kết hợp tối đa sức mạnh kênh phân phối từ MASAN và NETCO nhằm đưa sản phẩm NET, JOINS & HOMEY thâm nhập thị trường đến tay người tiêu dung một cách sâu rộng và hiệu quả

3. Tiếp tục xây dựng thương hiệu NET, JOINS & HOMEY, đặt trọng tâm trong việc sáng tạo phát triển sản phẩm mới, mở rộng ngành hàng để *"hàng ngày, chúng ta chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người Việt Nam"*.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm 2021

Năm 2021 được đánh giá là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, Công ty Cổ phần Bột giặt NET cũng không ngoại lệ. Khép lại năm 2021 với sự nỗ lực không ngừng nghỉ, tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Bột giặt NET đã đạt những chỉ tiêu đáng khích lệ, cụ thể:

- Doanh thu thuần:

  Đạt mức 1.480 tỷ đồng, tương đương 92% so với kế hoạch (mức thấp); tăng 1% so với doanh thu thuần năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế:

  Đạt mức 113 tỷ đồng, tương đương 113% so với kế hoạch (mức thấp) và 85% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Đứng trước khó khăn, Hội đồng Quản trị luôn thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban điều hành quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với thực tiễn tình hình dịch bệnh Covid và các chính sách phòng chống dịch của chính quyền địa phương, đảm bảo vừa phòng chống dịch vừa sản xuất trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

3. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

- Năm 2021 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; tập trung chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến kỹ thuật, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu

đầu vào cho sản xuất, cải tiến bao bì sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường ngay cả thời điểm cao điểm nhất.

- Trong quá trình quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh, Ban điều hành luôn thận trọng và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chính sách chung của Tập đoàn và triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

I- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- Bước sang năm 2022, mặc dù Việt Nam đã có cơ chế kiểm soát dịch bệnh Covid và nền kinh tế mở cửa trở lại, tuy nhiên tình hình chiến sự thế bất ổn của thế giới đặc biệt là cuộc chiến tại Đông Âu vào đầu năm 2022 sẽ làm cho giá cả đầu vào tăng cao như giá dầu, nguyên vật liệu (đặc biệt nguyên liệu LAS – nguyên liệu chính cho ngành SX của Công ty) và bao bì tăng cao đồng thời lạm phát có thể tăng mạnh gây ảnh hưởng đến kế hoạch chi tiêu của người tiêu dùng, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay của NET.
- Mặc dù vậy, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quyết tâm nỗ lực hết sức mình để mong muốn đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất, mang lại giá trị cao nhất cho Công ty và cổ đông của Công ty. Trên cơ sở đó, mục tiêu kinh doanh năm 2022 được đề xuất như sau:

(Tỷ đồng)	**Kế hoạch 2022**	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	1.500	1.800
Lợi nhuận sau thuế TNDN	110	120
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông của Công ty	110	120

- Các định hướng chiến lược:
  - Công ty Cổ phần Bột giặt NET tiếp tục đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, đẩy mạnh ngành hàng chăm sóc cá nhân - gia đình.
  - Các sản phẩm hóa mỹ phẩm mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc xây dựng thương hiệu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu thành phần Hội đồng Quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện vốn (đối với người đại diện)	
			% vốn điều lệ	Số cổ phần tương đương
1	Trương Công Thắng	Chủ tịch HĐQT	0%	-
2	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	0%	-
3	Huỳnh Việt Thăng	Thành viên HĐQT	0%	-
4	Ngô Văn Phước	Thành viên HĐQT	0%	-
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT	10%	2.240141 (*)
6	Trần Quốc Cương	Thành viên HĐQT	16%	3.584.216 (*)
7	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên HĐQT	10%	2.240.141 (*)

(*) đại diện phần vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

1.2 Thông tin lý lịch của Hội đồng Quản trị:

1. Ông Trương Công Thắng

- Ngày sinh: 06/03/1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐTV và Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
  - Chủ tịch HĐTV và Giám đốc - Công ty TNHH Masan Brewery;
  - Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
  - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Mobicast;
  - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (đến ngày 01/9/2021);
  - Thành viên Ban Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited;
  - Tổng Giám đốc và thành viên HĐQT - Công ty CP Phát Triển Thương Mại Và Dịch Vụ VCM;
  - Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce;
  - Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc - Công ty TNHH The Sherpa;
  - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần The CrownX;

- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage;
- Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu CP chi phối - Công ty Cổ phần Địa ốc Vườn Xanh;
- Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu phần vốn góp chi phối - Công Ty TNHH VN Nam Đàn Vạn An;
- Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu CP chi phối - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Công Nghệ Vì Cuộc Sống.

2. Bà Nguyễn Hoàng Yến

- Ngày sinh: 30/07/1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Nga Văn
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan
  - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
  - Thành viên HĐQT và Phó TGĐ - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
  - Thành viên HĐQT - Công ty CP Vinacafé Biên Hòa
  - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan PQ
  - Chủ tịch HĐTV - Công ty TNHH Cát Trắng
  - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc
  - Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
  - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Masan Long An

3. Ông Huỳnh Việt Thăng

- Ngày sinh: 14/08/1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Quyền Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
  - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
  - Giám đốc Tài chính - Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha;
  - Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT – Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh;
  - Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife;
  - Phó Giám đốc - Công ty TNHH Masan Master Brewer
  - Phó Giám đốc - Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution

- Phó Giám đốc - Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG

4. Ông Ngô Văn Phước

- Ngày sinh: 22/12/1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

5. Bà Nguyễn Thị Phương Thùy

- Ngày sinh: 20/03/1083
- Trình độ chuyên môn: cử nhân Luật học.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

6. Ông Trần Quốc Cương

- Ngày sinh: 03/10/1083
- Trình độ chuyên môn:
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Phó trưởng ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

7. Bà Thái Thị Hồng Yến

- Ngày sinh: 23/10/1968
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Anh văn; Cử nhân Nga Văn
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty *(miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 17/01/2022)*.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

1.3 Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.

1.4 Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 bầu gồm 07 thành viên để thực thi các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, giám sát, hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh phát triển Công ty và chỉ đạo sát sao Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện.
- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã có những hoạt động nổi bật:

- Thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất đã ban hành tổng cộng 16 Nghị quyết/Quyết định để kịp thời giải quyết đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, bao gồm:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1	01/NQ-HĐQT-NET/2021	25/1/2021	Phê duyệt giao dịch nội bộ giữa Công ty Cổ phần Bột giặt NET và Công ty TNHH Masan HPC (và các công ty liên quan).
2	02/NQ-HĐQT-NET/2021	25/1/2021	Phê duyệt nội dung dự án vay vốn lưu động năm 2021 của Công ty Cổ phần Bột giặt NET.
3	03/NQ-HĐQT-NET/2021	25/1/2021	Phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đảng ủy và Đoàn thanh niên Công ty Cổ phần Bột giặt NET năm 2021
4	04/NQ-HĐQT-NET/2021	27/2/2021	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021
5	05/NQ-HĐQT-NET/2021	29/3/2021	Phê duyệt các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua
6	06/NQ-HĐQT-NET/2021	31/3/2021	Phê duyệt việc thành lập Ủy ban Kiểm toán nội bộ và quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ Công ty
7	07/NQ-HĐQT-NET/2021	01/4/2021	Phê duyệt việc Đầu tư máy chủ hệ thống SCADA – Xưởng bột giặt
8	08/2021/NQ-HĐQT	23/4/2021	Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2021 và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
9	09/2021/NQ-HĐQT	23/4/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và bổ nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán
10	10/NQ-HĐQT-NET/2021	17/5/2021	Phê duyệt nội dung mở rộng thêm ngân hàng cấp tín dụng vay vốn năm 2021 của Công ty Cổ phần Bột giặt NET
11	11/NQ-HĐQT-NET/2021	16/6/2021	Phê duyệt việc đầu tư bơm tuần hoàn và xe đưa rước cán bộ công nhân viên
12	12/NQ-HĐQT-NET/2021	16/9/2021	Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký Công ty
13	13/NQ-HĐQT-NET/2021	24/9/2021	- Phê duyệt việc đầu tư nâng công suất máy đóng gói tự động line 2 từ 10 vòi lên 14 vòi- Xưởng tẩy rửa lỏng. - Phê duyệt việc đầu tư 03 máy ép miệng túi bán tự động - Xưởng tẩy rửa lỏng.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
			- Phê duyệt việc đầu tư 06 bộ cân và van chiết rót bán tự động line 1- Xưởng tẩy rửa lỏng. - Phê duyệt việc đầu tư Bơm nghiền nguyên liệu Slesn- Xưởng tẩy rửa lỏng.
14	14/NQ-HĐQT-NET/2021	27/12/2021	Phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đảng ủy và Đoàn thanh niên Công ty năm 2022.
15	15/NQ-HĐQT-NET/2021	27/12/2021	Phê duyệt duyệt các giao dịch mua bán hàng hóa nội bộ lẫn nhau.
16	16/NQ-HĐQT-NET/2021	27/12/2021	Phê duyệt việc từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với bà Thái Thị Hồng Yến kể từ ngày 17/01/2022.

- Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi thông tin thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành/độc lập đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của Công ty.
- Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Không có giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm qua.

2. BAN KIỂM SOÁT/ ỦY BAN KIỂM TOÁN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

2.1 Thành viên và cơ cấu thành phần Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

- Trước ngày 23/4/2021, Công ty hoạt động theo mô hình quản trị: Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát Công ty bao gồm 03 thành viên bên dưới:

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện vốn của Tập Đoàn (đối với người đại diện)	
			% vốn điều lệ	Số cổ phần tương đương
1	Phan Thị Thúy Hoa	Trưởng BKS	0%	-
2	Dương Huy Mạnh	Thành viên BKS	0%	-
3	Nguyễn Thành Luân	Thành viên BKS	0%	-

(*) dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tính đến ngày 31/12/2021.

- Kể từ ngày 23/4/2021, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty thành Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị (gồm Ủy Ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị) và Tổng Giám đốc, do đó toàn bộ thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm.
- Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị bao gồm 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành sau đây:

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện vốn của Tập Đoàn (đối với người đại diện)	
			% vốn điều lệ	Số cổ phần tương đương
1	Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch UBKT	0%	-
2	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên UBKT	0%	-

(*) dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tính đến ngày 31/12/2021.

2.2 Thông tin lý lịch của Ủy ban kiểm toán

1. **Ông Huỳnh Việt Thăng:** vui lòng xem thông tin đã trình bày tại mục 1.2 Thông tin lý lịch của Hội đồng Quản trị.
2. **Bà Nguyễn Thị Phương Thùy:** vui lòng xem thông tin đã trình bày tại mục 1.2 Thông tin lý lịch của Hội đồng Quản trị.

2.3 Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm qua:

Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

- Trong năm qua, công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan, phản ánh tình hình tài chính của Công ty ổn định, trung thực.
- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG theo đúng quy định hiện hành.
- Một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2021 (trên cơ sở hợp nhất) được thể hiện như sau:
-

Chỉ tiêu	Năm 2021 (tỷ VNĐ)	Năm 2020 (tỷ VNĐ)	Tăng/(giảm) (tỷ VNĐ)	%
Doanh thu thuần	1.480	1.470	10	1%
Giá vốn hàng bán	1.182	1.126	56	5%
Lợi nhuận gộp	298	344	-46	-13%
Chi phí bán hàng	145	166	-21	-13%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	32	-2	-6%
Lợi nhuận tài chính	5	7	-2	-24%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	113	133	-20	-15%

	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/(giảm)	%
	(VND/cổ phiếu)	(VND/cổ phiếu)	(VND/cổ phiếu)	
EPS	5.061	5.599	-538	-10%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021 (*)	So với kế hoạch	%
	(tỷ VNĐ)	*(tỷ VNĐ)*	*(tỷ VNĐ)*	
Doanh thu thuần	1.480	1.600	-120	-8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	113	100	13	13%

(*) kế hoạch kinh doanh năm 2021 mức thấp

- **Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan:**

- Giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng này: không phát sinh.
- Trong năm 2021 có phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ với các công ty như Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce, Công ty TNHH MEATDeli HN, Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam và các giao dịch này đều thực hiện minh bạch, công bố thông tin theo quy định.

- **Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.**

Trong năm 2021, Phòng kiểm toán nội bộ của Công ty đã tiến hành hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch kiểm toán năm 2021 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt với phạm vi kiểm toán bao gồm: quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý tồn kho, quản lý an toàn – sức khỏe – môi trường và quản lý kế toán. Qua quá trình rà soát, có những điểm

thực hiện tốt, tuy nhiên cũng có một số điểm thay đổi để đáp ứng kế hoạch phát triển trong tương lai. Ban điều hành đã triển khai ngay các kế hoạch hành động để thay đổi kịp thời.

- **Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.**

• Đối với Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

• Đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị đã quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với thực tiễn tình hình dịch bệnh Covid và các chính sách phòng chống dịch của chính quyền địa phương, đảm bảo vừa phòng chống dịch vừa sản xuất nhằm triển khai thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

- Trong hoạt động quản lý điều hành không ghi nhận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.

- Mặc dù tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid, kết quả sản xuất kinh doanh cả năm 2021 ghi nhận là khả quan.

- **Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.**

Trong năm 2021, Ủy ban kiểm toán nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ của mình từ phía Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua việc được cung cấp, tiếp cận đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị Công ty, tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1 Thành viên và cơ cấu thành phần của Ban Tổng Giám đốc:

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện vốn (đối với người đại diện)	
			% vốn điều lệ	Số cổ phần tương đương
Ban Tổng giám đốc				
1	Thái Thị Hồng Yến	Tổng giám đốc (đến ngày 17/01/2022)	10%	2.240.141 (*)
2	Phan Trọng Chinh	Tổng giám đốc (kể từ ngày 17/01/2022)	0%	-
3	Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc	0%	-
4	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng	0%	-

(*) đại diện phần vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

1. **Bà Thái Thị Hồng Yến:** vui lòng xem thông tin đã trình bày tại mục 1.2 Thông tin lý lịch của Hội đồng Quản trị.

2. **Ông Phan Trọng Chinh:**

- Ngày sinh: 30/3/1979
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

3. **Ông Phạm Quốc Cường**

- Ngày sinh: 10/01/1071
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa học.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

4. **Bà Trần Thị Ái Liên**

- Ngày sinh: 18/05/1970
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng; Người được ủy quyền công bố thông tin.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích *(ĐVT: Đồng):*

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao
Hội đồng quản trị			
1	Trương Công Thắng	Chủ tịch HĐQT	-
2	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	-
3	Huỳnh Việt Thăng	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-
4	Ngô Văn Phước	Thành viên HĐQT	-
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán	48.000.000
6	Trần Quốc Cương	Thành viên HĐQT	48.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
7	Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc (tính đến ngày 17/01/2022)	987.276.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*:* Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*:*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND)	Ghi chú
1.	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan	Người có liên quan của người nội bộ	0302017440, do Sở KH và ĐT TPHCM cấp ngày 31/05/2000	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT-NET/2021	Mua bán hàng hóa và gia công sản phẩm: 167.248.576.001 đồng (chưa VAT)	
2	Công ty CP DV TM Tổng hợp Wincommerce	Người có liên quan của người nội bộ	0104918404 cấp ngày 20/9/2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM	Tầng 5, Mplaza SaiGon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT-NET/2021	Mua bán hàng hóa và gia công sản phẩm: 36.350.047.857 đồng (chưa VAT)	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND)	Ghi chú
				Minh, Việt Nam				
3	Công ty TNHH MNS MEAT Hà Nam	Người có liên quan của người nội bộ	0700793788 do Sở Kế hoạch Đầu tư Nam cấp ngày 14/8/2017	Lô CN-02, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam	Năm 2021	Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT-NET/2021	Mua bán hàng hóa và gia công sản phẩm: 49.314.490 đồng (chưa VAT)	
4	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Người có liên quan của người nội bộ	0301446260-001 ngày 3/12/2003 bởi Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM	Đường Số 5, An Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT-NET/2020	Mua bán, gia công hàng hóa: 32.626.163.000 đồng (chưa VAT)	
5	Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam	Người có liên quan của người nội bộ	0305083191 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM	130 Đ. Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2021	Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT-NET/2020	Mua bán, gia công hàng hóa: 30.284.852.900 đồng (chưa VAT)	

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.
- Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 KIỂM TOÁN

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600642822	ngày 1 tháng 7 năm 2003
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 18 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
	Ông Trần Quốc Cương	Thành viên
	Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên
	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
	Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
	Ông Ngô Văn Phước	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 1 năm 2022)
	Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc (đến ngày 17 tháng 1 năm 2022)
	Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách công nghệ và sản xuất
	Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng
Trụ sở đăng ký	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

Phan Trọng Chinh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 3 năm 2022

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00329-22-2

Nelson Rodriguez Casihan	Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1	Kiểm toán số 4629-2018-007-2
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**405.908.491.608**	**388.752.612.343**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**41.410.827.367**	**39.563.916.661**
Tiền	111		8.410.827.367	14.563.916.661
Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**94.975.000.000**	**85.300.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	94.975.000.000	85.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**67.305.897.437**	**63.201.499.922**
Phải thu của khách hàng	131	7	64.703.359.421	58.608.876.742
Trả trước cho người bán	132		126.276.143	2.192.188.589
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.476.261.873	2.400.434.591
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**201.792.623.838**	**198.920.247.289**
Hàng tồn kho	141		201.792.623.838	198.920.247.289
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**424.142.966**	**1.766.948.471**
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		101.929.002	1.631.703.671
Thuế phải thu Nhà nước	153		322.213.964	135.244.800

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**298.601.375.021**	**306.888.358.060**
Tài sản cố định	**220**		**245.578.702.273**	**249.793.492.269**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	245.161.160.588	249.312.450.592
Nguyên giá	*222*		*400.291.860.371*	*385.117.730.348*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(155.130.699.783)*	*(135.805.279.756)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	417.541.685	481.041.677
Nguyên giá	*228*		*549.000.000*	*549.000.000*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(131.458.315)*	*(67.958.323)*
Bất động sản đầu tư	**230**	**12**	**8.939.240.067**	**10.519.652.511**
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.566.436.852)	(23.986.024.408)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**206.605.000**	**727.469.940**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	206.605.000	727.469.940
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**14**	**-**	**-**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**43.876.827.681**	**45.847.743.340**
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	43.876.827.681	45.847.743.340
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**704.509.866.629**	**695.640.970.403**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**346.419.049.373**	**308.518.446.622**
Nợ ngắn hạn	**310**		**346.319.049.373**	**308.418.446.622**
Phải trả người bán	311	16	250.017.710.824	201.953.380.112
Người mua trả tiền trước	312		5.975.576.882	12.141.553.837
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	6.938.180.566	5.591.019.658
Phải trả người lao động	314		11.960.132.866	16.850.499.792
Chi phí phải trả	315	18	35.884.565.625	34.128.206.478
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.514.921.080	11.066.530.037
Vay ngắn hạn	320	20	20.357.796.120	20.698.633.290
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	10.670.165.410	5.988.623.418
Nợ dài hạn	**330**		**100.000.000**	**100.000.000**
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**358.090.817.256**	**387.122.523.781**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**358.090.817.256**	**387.122.523.781**
Vốn cổ phần	411	23	223.983.740.000	223.983.740.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*223.983.740.000*	*223.983.740.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	15.706.553.642	15.706.553.642
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.400.523.614	147.432.230.139
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*5.036.986.139*	*14.020.997.559*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước*	*421b*		*113.363.537.475*	*133.411.232.580*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**704.509.866.629**	**695.640.970.403**

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Trần Thị Ái Liên	Phan Trọng Chinh
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**27**	**1.479.644.749.575**	**1.490.490.627.534**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**27**	**-**	**20.376.719.213**
Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp (10 = 01 - 02)	**10**	**27**	**1.479.644.749.575**	**1.470.113.908.321**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**28**	**1.181.648.022.215**	**1.125.627.738.302**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**297.996.727.360**	**344.486.170.019**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	6.884.869.635	9.308.908.250
Chi phí tài chính	22	30	1.650.281.363	2.388.018.535
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*459.960.964*	*602.083.868*
Chi phí bán hàng	25	31	144.799.293.382	165.894.616.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	30.422.708.458	32.240.382.521
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**128.009.313.792**	**153.272.060.246**
Thu nhập khác	31		3.674.420.761	729.713.498
Chi phí khác	32		718.352.270	314.942.079
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**2.956.068.491**	**414.771.419**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**130.965.382.283**	**153.686.831.665**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**34**	**17.601.844.808**	**20.275.599.085**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	**60**		**113.363.537.475**	**133.411.232.580**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.061	5.599

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Trần Thị Ái Liên	Phan Trọng Chinh
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**130.965.382.283**	**153.686.831.665**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	21.533.949.320	20.964.660.247
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	96.380.017	(6.842.929)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.883.738.829)	(6.798.527.861)
Chi phí lãi vay	06	459.960.964	602.083.868
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**148.171.933.755**	**168.448.204.990**
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(4.935.556.514)	(12.724.487.814)
Biến động hàng tồn kho	10	(2.872.376.549)	(94.269.893.711)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	33.183.573.141	30.512.905.159
Biến động chi phí trả trước	12	1.970.915.659	1.258.525.770
		175.518.489.492	**93.225.254.394**
Tiền lãi vay đã trả	14	(459.210.224)	(602.050.329)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.318.074.042)	(16.995.314.675)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.323.458.008)	(5.590.142.236)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**154.417.747.218**	**70.037.747.154**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.064.529.970)	(9.565.978.451)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	222.727.273	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(116.475.000.000)	(59.600.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	106.800.000.000	37.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.624.240.108	6.816.851.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(17.892.562.589)**	**(24.549.126.480)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	94.026.533.820	128.120.561.610
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.316.027.250)	(116.823.559.800)
Tiền chi trả cổ tức	36	(134.388.591.000)	(53.755.436.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(134.678.084.430)**	**(42.458.434.590)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**1.847.100.199**	**3.030.186.084**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**39.563.916.661**	**36.532.947.546**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**	**(189.493)**	**783.031**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	**70**	**41.410.827.367**	**39.563.916.661**

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Trần Thị Ái Liên	Phan Trọng Chinh
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:
- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho, nhà xưởng và văn phòng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2021: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 555 nhân viên (1/1/2021: 592 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 8 đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 – 25 năm
▪ cơ sở hạ tầng	5 – 20 năm

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí sử dụng hạ tầng

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu gia công

Doanh thu gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được phân bổ theo vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Nước ngoài"). Tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn của bộ phận không được trình bày do vị trí của tài sản và việc sản xuất là ở Việt Nam. Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.186.173.678.389	1.133.384.248.844	293.471.071.186	336.729.659.477	1.479.644.749.575	1.470.113.908.321
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	957.836.890.300	868.116.703.000	223.811.131.915	257.511.035.302	1.181.648.022.215	1.125.627.738.302
Lợi nhuận gộp	228.336.788.089	265.267.545.844	69.659.939.271	79.218.624.175	297.996.727.360	344.486.170.019

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	253.038.315	825.376.325
Tiền gửi ngân hàng	8.157.789.052	13.738.540.336
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	25.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	41.410.827.367	39.563.916.661

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	94.975.000.000	85.300.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm dao động từ 3,1% đến 4,4% trong năm (2020: 3,1% đến 4,6% một năm).

7. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là "Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce")	20.741.955.740	13.306.881.061
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	17.823.678.600	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ký cược, ký quỹ	987.300.000	986.100.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	908.612.269	871.840.821
Tạm ứng	55.870.000	26.900.000
Phải thu khác	524.479.604	515.593.770
	2.476.261.873	2.400.434.591

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hàng mua đang đi đường	7.084.182.360	6.967.192.940
Nguyên vật liệu	144.836.227.896	137.030.048.677
Công cụ và dụng cụ	449.859.560	450.049.440
Sản phẩm dở dang	4.058.318.917	2.111.388.897
Thành phẩm	45.364.035.105	52.361.567.335
	201.792.623.838	198.920.247.289

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	227.562.463.142	144.698.839.858	10.958.053.136	1.898.374.212	385.117.730.348
Tăng trong năm	-	600.700.000	938.381.818	189.000.000	1.728.081.818
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	490.725.644	13.519.939.418	-	-	14.010.665.062
Thanh lý	-	-	(564.616.857)	-	(564.616.857)
Số dư cuối năm	228.053.188.786	158.819.479.276	11.331.818.097	2.087.374.212	400.291.860.371
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.217.076.421	87.670.603.775	6.915.911.517	1.001.688.043	135.805.279.756
Khấu hao trong năm	10.482.223.789	8.475.989.707	732.702.181	199.121.207	19.890.036.884
Thanh lý	-	-	(564.616.857)	-	(564.616.857)
Số dư cuối năm	50.699.300.210	96.146.593.482	7.083.996.841	1.200.809.250	155.130.699.783
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	187.345.386.721	57.028.236.083	4.042.141.619	896.686.169	249.312.450.592
Số dư cuối năm	177.353.888.576	62.672.885.794	4.247.821.256	886.564.962	245.161.160.588

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 60.735 triệu VND (1/1/2021: 57.589 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	67.958.323
Khấu hao trong năm	63.499.992
Số dư cuối năm	131.458.315
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	481.041.677
Số dư cuối năm	417.541.685

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	21.758.233.867	2.227.790.541	23.986.024.408
Khấu hao trong năm	1.517.685.936	62.726.508	1.580.412.444
Số dư cuối năm	23.275.919.803	2.290.517.049	25.566.436.852
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	9.968.839.344	550.813.167	10.519.652.511
Số dư cuối năm	8.451.153.408	488.086.659	8.939.240.067

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.545 triệu VND (1/1/2021: 2.545 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định do không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản đầu tư tương tự ở cùng vị trí với bất động sản đầu tư của Công ty.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu năm	727.469.940
Tăng trong năm	13.489.800.122
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.010.665.062)
Số dư cuối năm	206.605.000

14. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ ("Rau quả Cần Thơ") với số tiền là 716.390.400 VND. Công ty nắm giữ 6.600 cổ phần với mệnh giá là 100.000 VND/1 cổ phần, tương đương với 10,1% vốn điều lệ của Rau quả Cần Thơ. Tại thời điểm lập báo cáo này, Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và đã làm thủ tục giải thể công ty. Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	44.377.825.686	1.469.917.654	45.847.743.340
Tăng trong năm	-	382.775.000	382.775.000
Phân bổ trong năm	(1.128.249.804)	(1.225.440.855)	(2.353.690.659)
Số dư cuối năm	43.249.575.882	627.251.799	43.876.827.681

16. Phải trả người bán

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	4.262.992.800	3.790.299.150
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	4.104.051.600	6.480.460.800

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà Nước

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Nộp/Cấn trừ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	308.350.235	135.654.148.341	(135.452.644.902)	-	509.853.674
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	16.080.165.283	(16.335.052.182)	254.886.899	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.001.028.737	17.601.844.808	(17.318.074.042)	-	5.284.799.503
Thuế nhập khẩu	-	1.490.110.786	(1.557.437.851)	67.327.065	-
Thuế thu nhập cá nhân	272.193.552	1.690.513.694	(1.812.585.114)	-	150.122.132
Các loại thuế khác	9.447.134	2.178.078.021	(1.194.119.898)	-	993.405.257
	5.591.019.658	174.694.860.933	(173.669.913.989)	322.213.964	6.938.180.566

18. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí khuyến mại và hỗ trợ bán hàng	30.325.901.365	23.500.969.258
Chi phí vận chuyển	3.940.678.195	3.939.831.518
Chi phí hoa hồng	162.242.200	2.702.861.432
Chi phí lãi vay	5.287.415	4.536.675
Chi phí khác	1.450.456.450	3.980.007.595
	35.884.565.625	34.128.206.478

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả khác cho nhân viên	2.352.997.845	6.992.828.512
Nhận ký quỹ, ký cược	1.186.900.000	1.186.900.000
Kinh phí công đoàn	57.309.820	426.304.995
Cổ tức	7.283.930	5.630.930
Phải trả khác	910.429.485	2.454.865.600
	4.514.921.080	11.066.530.037

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong năm			31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Vay VND	Trả nợ vay VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	20.698.633.290	20.698.633.290	94.026.533.820	(94.316.027.250)	(51.343.740)	20.357.796.120	20.357.796.120

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	2,0%	20.357.796.120	20.698.633.290

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có khoản vay nào quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động trong năm của quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	5.988.623.418	9.756.765.654
Trích lập trong năm	8.005.000.000	1.822.000.000
Sử dụng trong năm	(3.323.458.008)	(5.590.142.236)
Số dư cuối năm	10.670.165.410	5.988.623.418

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	223.983.740.000	15.706.553.642	69.599.095.159	309.289.388.801
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	133.411.232.580	133.411.232.580
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(53.756.097.600)	(53.756.097.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.822.000.000)	(1.822.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	223.983.740.000	15.706.553.642	147.432.230.139	387.122.523.781
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	113.363.537.475	113.363.537.475
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(134.390.244.000)	(134.390.244.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(8.005.000.000)	(8.005.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	223.983.740.000	15.706.553.642	118.400.523.614	358.090.817.256

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2021 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 134.390 triệu VND (2020: 53.756 triệu VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng 1 năm	2.476.700.745	2.789.574.341
Từ 2 đến 5 năm	9.042.802.980	9.109.305.764
Từ 5 năm trở lên	56.461.047.737	59.006.115.961
	67.980.551.462	70.904.996.066

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.873	223.531.965	25.981	598.474.408
EUR	212	5.396.669	223	6.242.076
		228.928.634		604.716.484

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.619.605.700	6.172.988.387

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.424.230.428.929	1.436.833.947.465
▪ Dịch vụ gia công	35.491.551.290	42.475.360.980
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	6.738.233.420	7.220.493.129
▪ Doanh thu khác	13.184.535.936	3.960.825.960
	1.479.644.749.575	1.490.490.627.534
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	16.788.211.850
▪ Chiết khấu thương mại	-	3.588.507.363
	-	20.376.719.213
	1.479.644.749.575	1.470.113.908.321

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng đã bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	1.142.208.152.261	1.087.031.483.227
▪ Giá vốn gia công	25.505.164.836	34.255.374.955
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	4.640.371.167	2.139.684.090
▪ Giá vốn khác	9.294.333.951	2.201.196.030
	1.181.648.022.215	1.125.627.738.302

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	4.661.011.556	6.798.527.861
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.223.858.079	2.510.380.389
	6.884.869.635	9.308.908.250

30. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	459.960.964	602.083.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.190.320.399	1.785.934.667
	1.650.281.363	2.388.018.535

31. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	66.752.753.051	63.877.767.013
Chi phí vận chuyển	40.556.785.007	37.557.874.482
Chi phí nhân viên	30.960.545.546	27.828.995.614
Chi phí khuyến mại	1.357.737.082	26.832.797.728
Chi phí vật liệu, bao bì	1.954.389.310	3.637.898.235
Chi phí khấu hao	360.360.037	384.699.372
Chi phí khác	2.856.723.349	5.774.584.523
	144.799.293.382	165.894.616.967

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	11.433.176.098	11.767.217.235
Chi phí khấu hao	3.840.315.524	3.736.962.449
Thuế, phí và lệ phí	3.628.365.937	3.532.727.459
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.795.588.804	1.672.935.634
Chi phí khác	9.725.262.095	11.530.539.744
	30.422.708.458	32.240.382.521

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.068.096.442.291	1.057.792.185.815
Chi phí nhân công và nhân viên	67.738.933.719	69.532.705.450
Chi phí khấu hao	21.533.949.320	20.964.660.247
Chi phí khác	199.500.698.725	175.473.186.278
	1.356.870.024.055	1.323.762.737.790

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	17.284.402.603	20.275.599.085
Dự phòng thiếu trong những năm trước	317.442.205	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	17.601.844.808	20.275.599.085

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	130.965.382.283	153.686.831.665
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	26.193.076.457	30.737.366.333
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(8.048.710.419)	(11.039.817.993)
Chênh lệch tạm thời khác	(881.402.435)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.439.000	578.050.745
Dự phòng thiếu trong những năm trước	317.442.205	-
	17.601.844.808	20.275.599.085

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Ngoài ra, Công ty có dự án đầu tư mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần thu nhập chịu thuế tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế (2018 - 2019); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2020 - 2023).

(d) Các khoản thuế dự phòng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và mức ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.

35. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 113.364 triệu VND (2020: 125.406 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 22.398.374 cổ phiếu (2020: 22.398.374 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND (Đã điều chỉnh lại) (*)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	113.363.537.475	125.406.232.580

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND (Đã điều chỉnh lại) (*)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.061	5.599

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ thực tế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được các cổ đông thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào ngày 23 tháng 4 năm 2021.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có khả năng suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021	**2020**
	VND	**VND**
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Masan HPC		
Cổ tức công bố	70.221.780.000	28.088.712.000
Các bên liên quan khác		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam		
Mua hàng hóa	32.626.163.000	40.184.383.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua hàng hóa	30.284.852.900	24.931.840.350
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán thành phẩm	167.248.576.001	89.342.882.619
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Cổ tức công bố	48.386.988.000	19.354.795.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là "Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng Hợp Vincommerce")		
Bán thành phẩm	38.050.355.207	55.729.211.528
Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là "Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam")		
Bán thành phẩm	49.314.490	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	1.131.276.000	898.768.400

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2021 VND	2020 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch	-	-
Ông Trần Quốc Cương	Thành viên	48.000.000	57.000.000
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Quang Hòa	Thành viên (đến ngày 24 tháng 9 năm 2020)	-	32.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 9 năm 2020)	-	32.000.000
Ban Giám đốc			
Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc (đến ngày 17 tháng 1 năm 2022)	987.276.000	681.768.400

37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Trần Thị Ái Liên	Phan Trọng Chinh
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*